



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012665.25

MSM: VT.25.5876.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIẾN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 12/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	30,2	40
2	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	5	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,02	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	27
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	11	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< 5	45
7	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
8	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
9	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
10	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045
12	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18
13	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8
14	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	2,7
15	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,18
16	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,062	0,45
17	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,39	0,9
18	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063
19	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,0	4,5
21	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18
22	Florua (F ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	3,48	4,5
23	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,12	4,5



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vững Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
24	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,07	18
25	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,1	3,6
26	Clorua (Cl ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023	194,2	450
27	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	0,9
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	45
	Aldrin	µg/L		< 0,0060	-
	Dieldrin	µg/L		< 0,0060	-
	Endrin	µg/L		< 0,0060	-
	Endrin aldehyt	µg/L		< 0,0060	-
	Endrin keton	µg/L		< 0,0060	-
	α-BHC	µg/L		< 0,0060	-
	β-BHC	µg/L		< 0,0060	-
	γ-BHC	µg/L		< 0,0060	-
	δ-BHC	µg/L		< 0,0060	-
	DDTs	µg/L		< 0,0060	-
	- 2,4'-DDD	µg/L		< 0,0060	-
	- 4,4'-DDD	µg/L		< 0,0060	-
	- 2,4'-DDE	µg/L		< 0,0060	-
	- 4,4'-DDE	µg/L		< 0,0060	-
	- 2,4'-DDT	µg/L		< 0,0060	-
	- 4,4'-DDT	µg/L		< 0,0060	-
	Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	cis-Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	trans-Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	alpha-Endosulfal	µg/L		< 0,0060	-
	beta-Endosulfal	µg/L		< 0,0060	-
	Endosulfan Sunfate	µg/L		< 0,0060	-
	Methoxychlor	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor-endo-epoxide	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor epoxide	µg/L		< 0,006	-
	Hexachlorobenzene	µg/L		< 0,0060	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
29	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	270
	<i>Azinphos methyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Azinphos ethyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Bromophos Methyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Bromophos Ethyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Chloropyriphos methyl</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Chloropyriphos</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Clofenvinphos</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Dimethoate</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Diazinon</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Disulfoton</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Ethion</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Fenthion</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Formothion</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Malathion</i>	µg/L		< 0,0060	-
	<i>Parathion methyl</i>	µg/L		< 0,006	-
	<i>Parathion ethyl</i>	µg/L		< 0,006	-
30	PCB	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	< 0,066	2,7
	PCB ₂₈	µg/L			-
	PCB ₅₂	µg/L		< 0,066	-
	PCB ₁₀₁	µg/L		< 0,066	-
	PCB ₁₁₈	µg/L		< 0,066	-
	PCB ₁₃₈	µg/L		< 0,066	-
	PCB ₁₅₃	µg/L		< 0,066	-
	PCB ₁₈₀	µg/L		< 0,066	-
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2021	< 0,30	1
33	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	3.000

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (-): Không quy định/ Không phân tích;
- ^(*): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

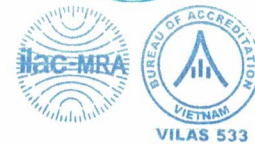
Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012666.25
MSM: VT.25.5876.BT01

Tên mẫu : Bùn thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 12/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Ngưỡng nguy hại
1	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9040D	6,23	≤ 2 hoặc ≥ 12,5

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,17
1	Asen (As)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	1,01	8,46
2	Bari (Ba)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	122,2	423
3	Bạc (Ag)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	21,15
4	Cadimi (Cd)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,009	2,115
5	Chì (Pb)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 2,4	63,45
6	Coban (Co)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	338,4
7	Kẽm (Zn)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	100,3	1.057,5
8	Niken (Ni)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	162,5	296,1
9	Selen (Se)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,15	4,23
10	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA Method 7471B	< 0,060	0,846
11	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 2,0	21,15
12	Tổng xyanua (CN ⁻)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,0	124,785
13	Phenol	ppm	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270E	< 0,15	4.230



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,17
14	Tổng dầu	ppm	US EPA Method 9071B	238	211,5
15	Benzen	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	< 0,025	2,115

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Nồng độ ngâm chiết Ctc
1	Tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B&F:2023	9,8	50

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- BT01: Bùn phát sinh từ nhà máy xử lý (N 10°38,596; E 107°4,205);;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0012678.25

MSM: VT.25.5876.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIẾN HÙNG-B1
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, Phường Phú Mỹ, TP. HCM
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
Ngày trả kết quả : 12/12/2025



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
2	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
3	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
4	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu